

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN RIÊNG	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	7 - 34

32
NG
CỔ
V.
D.
T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Xuân Sơn	Chủ tịch
Ông Phạm Việt Anh	Thành viên
Ông Lê Mạnh Tuấn	Thành viên
Ông Mai Thế Toàn	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Phương	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Việt Anh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Nam	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2016)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 10 năm 2015)
Ông Đào Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Thế Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Khắc Đô	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thanh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

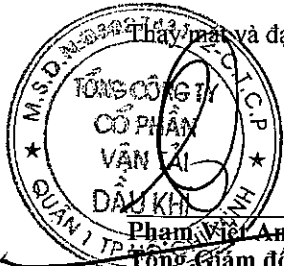
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thầy/mật và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

Số: ~~477~~/VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2016 từ trang 03 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

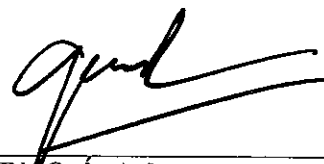


Kiều Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 17 tháng 3 năm 2016
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Bùi Quốc Anh
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 2133-2013-001-1

92-1
Đ.T.Y.
N
ÁI
H
CH

2500
H NH
ONG
NHIEN
LOI
ET N
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015		31/12/2014	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.452.480.650.974		2.006.372.628.775	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.566.372.095.001		1.205.582.218.896	
1. Tiền	111		128.172.095.001		112.582.218.896	
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.438.200.000.000		1.093.000.000.000	
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		829.463.541.999		742.820.453.049	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	448.124.903.588		384.150.070.046	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		304.951.319		3.503.845.089	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	400.239.154.266		373.215.563.932	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(19.205.467.174)		(18.049.026.018)	
III. Hàng tồn kho	140	9	50.067.124.676		39.331.003.473	
1. Hàng tồn kho	141		50.067.124.676		39.331.003.473	
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.577.889.298		18.638.953.357	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.456.860.776		2.211.715.695	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.121.028.522		16.244.366.095	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	-		182.871.567	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.620.651.063.478		4.858.721.256.841	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.650.769.715.037		1.791.841.069.291	
1. Phải thu dài hạn khác	216	10	1.650.769.715.037		1.791.841.069.291	
II. Tài sản cố định	220		1.327.348.156.422		1.425.046.017.228	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.327.343.133.888		1.424.991.763.073	
- Nguyên giá	222		1.981.882.040.898		1.966.064.859.450	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(654.538.907.010)		(541.073.096.377)	
2. Tài sản cố định vô hình	227		5.022.534		54.254.155	
- Nguyên giá	228		1.117.550.300		1.117.550.300	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.112.527.766)		(1.063.296.145)	
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-		12.769.583.108	
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-		12.769.583.108	
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	1.638.668.740.653		1.625.487.685.334	
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.720.818.590.000		1.720.818.590.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		98.025.000.000		98.025.000.000	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		45.937.767.300		63.052.276.252	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(226.112.616.647)		(256.408.180.918)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.864.451.366		3.576.901.880	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		248.494.182		338.803.432	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	3.615.957.184		3.238.098.448	
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		7.073.131.714.452		6.865.093.885.616	

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 34 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

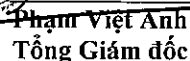
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			2015	2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.354.710.953.554	1.990.696.241.453
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	25	2.354.710.953.554	1.990.696.241.453
3. Giá vốn hàng bán	11	26	2.038.997.397.443	1.759.954.622.570
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		315.713.556.111	230.741.618.883
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	108.080.007.522	103.828.889.060
6. Chi phí tài chính	22	29	(34.250.717.697)	44.014.963.801
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(4.186.062.124)	18.430.419.508
7. Chi phí bán hàng	25	30	2.520.000.000	2.520.000.000
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	60.064.422.811	52.104.375.799
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		395.459.858.519	235.931.168.343
10. Thu nhập khác	31		170.046.251	80.225.560.152
11. Chi phí khác	32		76.277.983	2.047.477.261
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	31	93.768.268	78.178.082.891
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		395.553.626.787	314.109.251.234
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	32	77.508.651.147	59.777.279.343
15. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(377.858.736)	2.257.064.155
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		318.422.834.376	252.074.907.736


Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởng

Phạm Việt Anh
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

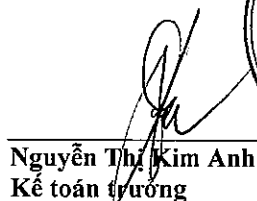
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

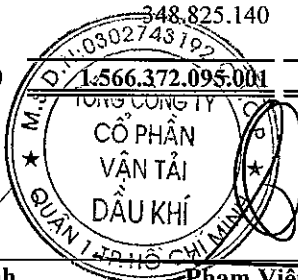
CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	395.553.626.787	314.109.251.234
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	113.787.110.206	129.544.985.371
- Các khoản dự phòng	03	33.318.407.937	517.255.263
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.503.799.427	3.174.671.490
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(107.513.584.787)	(170.127.925.930)
- Chi phí lãi vay	06	4.905.552.942	18.430.419.508
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	442.554.912.512	295.648.656.936
- Giảm các khoản phải thu	09	150.829.859.580	327.171.908.581
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(10.736.121.203)	23.092.810.401
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	178.522.579.978	(150.853.637.598)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(1.154.835.831)	18.803.873.846
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.235.706.486)	(9.435.930.234)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(70.111.396.167)	(55.756.051.384)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(44.213.304.937)	(14.536.263.492)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	640.455.987.446	434.135.367.056
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(110.980.786.292)	(88.456.423.876)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		-	160.892.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(30.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	25	4.489.422.749	-
5. Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	107.418.148.531	98.676.256.896
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	926.784.988	141.111.833.020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	46.000.000.000	282.744.285.507
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(326.941.721.469)	(656.808.519.497)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(280.941.721.469)	(374.064.233.990)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	360.441.050.965	201.182.966.086
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.205.582.218.896	1.004.272.033.769
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	348.825.140	127.219.041
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.566.372.095.001	1.205.582.218.896

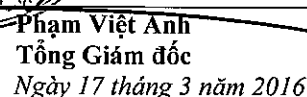


Võ Thị Thanh Tùng
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Anh
 Kế toán trưởng





Phạm Việt Anh
 Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2016

030
 TỔNG
 CÔNG
 TY
 CỔ
 PHẦN
 VẬN
 TẢI
 DẦU
 KHÍ
 TP.

31/12/15
 CHI N
 CÔNG
 TÍNH NH
 ELO
 VIỆT
 TP.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006624 ngày 07 tháng 5 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các giấy phép điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 653 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 596 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nội, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty con:

- Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam

Công ty liên doanh, liên kết:

- Công ty TNHH PVTrans Emas
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC

Chi nhánh:

- Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu
- Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Tổng Công ty. Vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

QUẢN
TRỊ
M.S.C.N.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	2015	2014
	Số năm	Số năm
Thiết bị văn phòng	3	3
Phương tiện vận tải	6 - 20	6 - 25



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm. Chi phí trả trước bao gồm giá trị bảo hiểm trả trước, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	724.708.785	349.067.247
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	127.447.386.216	112.233.151.649
Các khoản tương đương tiền	1.438.200.000.000	1.093.000.000.000
	<u>1.566.372.095.001</u>	<u>1.205.582.218.896</u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ một đến ba tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất được hưởng từ 4,7% đến 5%/ năm (31 tháng 12 năm 2014: từ 5,4% đến 5,8%/ năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Phải thu khách hàng là bên thứ ba		
Các khoản phải thu khách hàng khác	101.565.982.572	22.154.004.093
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	45.508.915.032	5.643.508.362
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	37.713.080.306	15.128.207.752
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	2.964.351.939	1.651.865.015
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	197.882.494.052	195.626.423.026
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	41.097.424.325	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	21.180.607.248	42.243.752.635
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	-	3.265.326.723
Công ty TNHH PVTrans Emas	-	98.398.089.441
Các khoản phải thu các bên liên quan khác	212.048.114	38.892.999
	<u>448.124.903.588</u>	<u>384.150.070.046</u>

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ký cược, ký quỹ	40.131.350.000	681.481.700
Tạm ứng cho nhân viên	1.040.417.686	395.275.431
Phải thu khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	283.315.323.643	238.571.159.322
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	29.385.871.594	67.840.865.914
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	17.469.693.464	18.436.088.019
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	754.946.686	2.448.486.057
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	5.814.191	-
- Công ty TNHH MTV Công Nghiệp Tàu Thủy Dung Quất	793.437.549	-
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	51.746.128	49.279.831
- Công ty TNHH PVTrans Emas	-	6.150.000.000
Các khoản phải thu khác		
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.198.147.523	12.583.736.703
- Các đối tượng khác	14.092.405.802	26.059.190.955
	<u>400.239.154.266</u>	<u>373.215.563.932</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***8. NỢ XẤU**

Đối tượng nợ	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	13.882.151.236	-	12.950.773.338	-
Vitol Asia Pte., Ltd	1.968.640.500	-	1.848.242.130	-
Navig8 Pool Inc	1.929.599.950	-	2.124.594.740	-
Đối tượng khác	1.425.075.488	-	1.125.415.810	-
	19.205.467.174	-	18.049.026.018	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	31.301.780.093	-	17.334.426.211	-
Công cụ, dụng cụ	17.971.350.460	-	20.507.037.803	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	326.479.923	-	1.489.539.459	-
Hàng hóa	467.514.200	-	-	-
	50.067.124.676	-	39.331.003.473	-

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	3.392.323.000	3.486.128.713
Phải thu khác là các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	1.642.522.553.944	1.788.354.940.578
Các đối tượng khác	4.854.838.093	-
	1.650.769.715.037	1.791.841.069.291

Phải thu dài hạn khác từ Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Công ty con) liên quan đến các khoản vay mà Tổng Công ty vay từ các ngân hàng thương mại, Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và chuyển lại cho công ty con này. Lãi vay được Tổng Công ty thanh toán và thu lại công ty này.

500-0
NHÂN
NG TY
HIỆN HỮ
DITT
T NAM
HỒ C

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	4.369.803.881	1.961.695.055.569	1.966.064.859.450
Tăng trong năm	3.399.623.470	-	3.399.623.470
Chuyển từ xây dựng cơ bản	-	12.692.354.178	12.692.354.178
Thanh lý, nhượng bán	(274.796.200)	-	(274.796.200)
Tại ngày 31/12/2015	<u>7.494.631.151</u>	<u>1.974.387.409.747</u>	<u>1.981.882.040.898</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	(2.923.110.396)	(538.149.985.981)	(541.073.096.377)
Khấu hao trong năm	(1.257.780.241)	(112.480.098.344)	(113.737.878.585)
Thanh lý, nhượng bán	272.067.952	-	272.067.952
Tại ngày 31/12/2015	<u>(3.908.822.685)</u>	<u>(650.630.084.325)</u>	<u>(654.538.907.010)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	<u>3.585.808.466</u>	<u>1.323.757.325.422</u>	<u>1.327.343.133.888</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.446.693.485</u>	<u>1.423.545.069.588</u>	<u>1.424.991.763.073</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã thế chấp một số phương tiện vận tải của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 1.972.186.507.445 đồng và 1.323.757.325.422 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 1.959.494.153.267 đồng và 1.423.464.409.191 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Thiết bị văn phòng và phương tiện vận tải bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá lần lượt là 3.126.304.151 đồng và 2.200.902.302 đồng (31 tháng 12 năm 2014: 2.093.563.479 đồng và 847.564.800 đồng).

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã thay đổi ước tính về thời gian sử dụng hữu ích của tàu dầu thô PVT Mercury, thời gian hữu ích giảm từ 25 năm xuống còn 20 năm. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng việc thay đổi này là phù hợp với đặc tính kỹ thuật và điều kiện khai thác của con tàu. Nếu Tổng Công ty thực hiện khấu hao tài sản cố định giống như trước đây, số dư khấu hao lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày sẽ giảm cùng với số tiền là 11.813.507.963 đồng, theo đó, lợi nhuận kế toán trước thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền tương ứng là 11.813.507.963 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	VND Dự phòng	Giá gốc	VND Dự phòng
Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	612.000.000.000	-	612.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	405.632.000.000	(191.834.793.024)	405.632.000.000	(204.643.226.089)
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	203.209.000.000	-	203.209.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	156.000.000.000	-	156.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	137.869.870.000	(33.415.482.623)	137.869.870.000	(49.348.079.829)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	107.800.000.000	-	107.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu long	52.037.720.000	-	52.037.720.000	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.670.000.000	(862.341.000)	38.670.000.000	(2.416.875.000)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	7.600.000.000	-	7.600.000.000	-
	1.720.818.590.000	(226.112.616.647)	1.720.818.590.000	(256.408.180.918)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	97.000.000.000	-	97.000.000.000	-
Công ty TNHH PVTrans Emas	1.025.000.000	-	1.025.000.000	-
	98.025.000.000	-	98.025.000.000	-
Đầu tư vào đơn vị khác				
PV KEEZ Pte. Ltd.	45.937.767.300	-	63.052.276.252	-
	45.937.767.300	-	63.052.276.252	-

Trong năm 2015, Ban Giám đốc Công ty TNHH PVTrans Emas (gọi tắt là "PVT Emas") có kế hoạch chuyển giao cho bên thứ ba tất cả các hợp đồng cung cấp dịch vụ và hàng hóa và giải thể PVT Emas. Tại thời điểm lập báo cáo này, PVT Emas đang làm thủ tục giải thể công ty.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi đăng ký hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Số 186 Trương Công Định, Phường 3, Thành phố Vũng Tàu	99,85%	99,85%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, tuyển dụng, đào tạo và cung ứng thuyền viên, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, và các mặt hàng phục vụ đời sống dân sinh.
Công ty Cổ	Tầng 14, Tòa nhà	99,72%	99,72%	Kinh doanh vận tải dầu thô và các sản phẩm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	319-Bộ Quốc Phòng, số 63 Đường Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội	%		khí, cung ứng dịch vụ hàng hải, sửa chữa tàu biển và phương tiện nổi, thuê và cho thuê tàu biển, phương tiện vận tải khác, kinh doanh xuất khẩu các mặt hàng công, nông, ngư nghiệp, đồ dùng gia đình và cá nhân, dịch vụ tuyển dụng và cung ứng lao động trong nước, dịch vụ tư vấn, quản lý bất động sản, lữ hành nội địa và dịch vụ phục vụ khách du lịch, sản xuất phần mềm tin học, cung cấp dịch vụ giải pháp tin học và mua bán thiết bị tin học.
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Tầng lửng, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	69,63%	69,63%	Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng đường biển, đại lý kinh doanh xăng dầu, đại lý hàng hải, dịch vụ môi giới, cung ứng, sửa chữa tàu biển và cho thuê phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Tầng 3, Tòa nhà PVFCCo, số 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	64,92%	64,92%	Kinh doanh vận tải dầu thô, cho thuê phương tiện vận tải, dịch vụ môi giới tàu biển, đại lý hàng hải, cung ứng tàu biển, sửa chữa tàu biển.
Công ty Cổ phần Sản phẩm khí Quốc tế	Tầng 9, Tòa nhà Green Power, số 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	67,74%	67,74%	Kinh doanh mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển, dịch vụ: đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Phòng 1902, tầng 19, Tòa nhà số 27, phố Huỳnh Thúc Kháng, Quận Đống Đa, Hà Nội	38,67%	73%	Kinh doanh vận tải bằng ô tô dưới các hình thức vận chuyển hành khách theo hợp đồng, vận chuyển hành khách theo tuyến cố định, vận tải hàng hóa, xăng dầu, gas; kinh doanh xăng dầu, khí hóa lỏng; kinh doanh gas: chế tạo, sửa chữa bình gas, chuyển đổi phương tiện vận tải sang sử dụng nhiên liệu khí hóa lỏng; sửa xe, bảo dưỡng xe, lắp đặt phụ tùng, phương tiện vận tải.
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Tầng 3, tòa nhà PJCO Tower, 186 Điện Biên Phủ, phường 6, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh	22,63%	60%	Kinh doanh vận tải hành khách bằng taxi theo hợp đồng, theo tuyến cố định, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, bằng đường thủy nội địa; mua bán phương tiện, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành giao thông vận tải, sản phẩm gas LPG, CNG, LNG; đại lý kinh doanh xăng dầu; dịch vụ hoán cải phương tiện vận tải; kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng; kinh doanh nhà hàng, khách sạn; kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế; kinh doanh bãi đỗ xe, trạm dừng; đầu tư, sản xuất, kinh doanh nhà máy thủy điện; kinh doanh vận tải khách bằng xe buýt; kinh doanh vận tải biển và mua bán phân bón.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	P806, lầu 08 Citilight Tower, số 45 Võ Thị Sáu, Phường Đakao,	67,99%	62,3%	Kinh doanh vận tải biển, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô, kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ cung ứng tàu biển, đại lý hàng hải,

VIỆT
CƠ
RÁCH NH
ĐẠI
VIỆ
VI-T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			dịch vụ sửa chữa tàu biển (không hoạt động tại trụ sở), cho thuê phương tiện vận tải tàu biển, xe ô tô, xe cơ giới và khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, dạy nghề, chuẩn bị mặt bằng.
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	E1, Tôn Đức Thắng, phường Trần Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi,	99,35%	99,35%	Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy, đường bộ và đường hàng không; kinh doanh kho bãi, lưu giữ hàng hóa; vận tải hành khách bằng đường bộ (trừ vận tải bằng xe buýt); vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; mua bán và cung ứng vật tư, trang thiết bị phục vụ ngành dầu khí, hàng hải; đại lý bán vé máy bay; dịch vụ kỹ thuật dầu khí; kinh doanh dịch vụ môi giới và cung ứng tàu biển.

Tổng Công ty đã dùng khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Citibank.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tỷ lệ vốn góp thực tế của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long lần lượt là 38,67% và 22,63% trên tổng số vốn thực góp của các cổ đông (không thay đổi so với ngày 31 tháng 12 năm 2014). Tuy nhiên, Tổng Công ty được các cổ đông khác ủy quyền lại quyền biểu quyết tại Hội đồng Quản trị. Đa số các thành viên trong Ban Giám đốc (bao gồm cả Giám đốc) đều là đại diện của Tổng Công ty, Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty đã trình bày khoản đầu tư góp vốn vào các công ty này như một khoản đầu tư vào công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Công ty TNHH PVTrans Emas được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501702083 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 23 tháng 9 năm 2010 và Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 2.050.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 1.025.000.000 đồng, tương ứng với 50% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là sửa chữa và bảo dưỡng tàu biển, cầu kiện nổi; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, PVT Emas đã chuyển giao cho bên thứ ba tất cả các hợp đồng cung ứng dịch vụ, hàng hóa và đang toàn tất thủ tục giải thể công ty.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3501811660 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 01 tháng 4 năm 2011. Tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 200 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty đã góp 97 tỷ đồng, tương ứng với 48,5% tổng vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Hoạt động chính của công ty này là dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên; cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 16 tháng 7 năm 2010, Tổng Công ty được phép liên doanh với 3 công ty nước ngoài thành lập Công ty PV KEEZ Pte. Ltd. tại Singapore với mục đích cung cấp tàu chứa và xử lý dầu thô cho mỏ Chim Sáo và Dừa. Tổng vốn đầu tư của dự án là 405 triệu đô la Mỹ, trong đó, vốn đầu tư ra nước ngoài của nhà đầu tư Việt Nam là 9 triệu đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tổng Công ty đã góp 2.389.343 Đô la Mỹ (31 tháng 12 năm 2014: 3.205.425 đô la Mỹ).

.74
CÔ
PH
AN T
UK
HỒ500
NHÀ
IG T
EM HI
JIT
NAI
HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.615.957.184	3.238.098.448
	<u>3.615.957.184</u>	<u>3.238.098.448</u>

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 được tính dựa trên thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%, thuế suất này được áp dụng từ năm 2016.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán là bên thứ ba				
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng hải Quốc Việt	10.009.543.285	10.009.543.285	10.009.543.285	10.009.543.285
Wallem Ship Management Ltd	11.777.189.629	11.777.189.629	11.215.871.460	11.215.871.460
Các đối tượng khác	77.235.421.507	77.235.421.507	78.205.788.898	78.205.788.898
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	339.066.200.467	339.066.200.467	142.044.369.462	142.044.369.462
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	18.438.564.062	18.438.564.062	49.612.610.517	49.612.610.517
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.815.173.680	2.815.173.680	173.175.000	173.175.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	630.507.350	630.507.350	749.942.650	749.942.650
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	522.006.000	522.006.000	538.524.000	538.524.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	386.643.430	386.643.430	658.910.430	658.910.430
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	218.160.000	218.160.000	6.190.424.630	6.190.424.630
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	189.660.576.000	189.660.576.000	41.230.560.000	41.230.560.000
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	33.760.239.732	33.760.239.732	31.289.894.507	31.289.894.507
Công ty Cổ phần dịch vụ tổng hợp Dầu Khí Vũng Tàu	2.147.865.635	2.147.865.635	2.631.786.180	2.631.786.180
Chi nhánh PTSC - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	702.083.332	702.083.332	1.286.764.755	1.286.764.755
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	669.918.627	669.918.627	-	-
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	394.874.050	394.874.050	394.874.050	394.874.050
Công ty TNHH MTV Điều Hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	-	-	3.981.482.828	3.981.482.828
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	439.169.030	439.169.030	4.004.492.061	4.004.492.061
Các khoản phải trả các bên liên quan khác	125.239.087	125.239.087	1.657.801.721	1.657.801.721
	<u>688.999.374.903</u>	<u>688.999.374.903</u>	<u>385.876.816.434</u>	<u>385.876.816.434</u>

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải thu trong năm	Số đã thực thu trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	182.871.567	-	182.871.567	-
	<u>182.871.567</u>	<u>-</u>	<u>182.871.567</u>	<u>-</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	1.087.455.580	68.080.302.787	60.278.012.367	8.889.746.000
Thuế xuất nhập khẩu	-	429.219.861	429.219.861	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.330.501.970	77.508.651.147	70.111.396.167	28.727.756.950
Thuế thu nhập cá nhân	2.375.131.981	32.729.145.261	32.138.387.138	2.965.890.104
Thuế nhà thầu	546.141.224	6.459.497.430	6.866.369.216	139.269.438
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
	<u>25.339.230.755</u>	<u>185.211.816.486</u>	<u>169.828.384.749</u>	<u>40.722.662.492</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	4.216.215.230	26.604.480.202
Phí bảo lãnh, quản lý	1.655.130.409	7.279.504.063
Phí hoa hồng, đại lý	714.625.751	714.625.751
Chi phí khác	4.357.230.975	915.539.345
	<u>10.943.202.365</u>	<u>35.514.149.361</u>
b) Dài hạn		
Phí hoa hồng đại lý	4.668.429.461	4.445.925.245
	<u>4.668.429.461</u>	<u>4.445.925.245</u>

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Kinh phí công đoàn	874.161.134	239.617.604
Bảo hiểm xã hội	299.416.215	308.143.745
Bảo hiểm y tế	61.965.438	45.638.181
Bảo hiểm thất nghiệp	39.504.521	64.153.231
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.107.642.947	4.112.263.986
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	199.553.800	199.553.800
Các khoản phải trả khác các bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	2.030.815.933	187.449.285
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.852.389.101	1.707.419.176
- Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	653.340.798	22.016.542.938
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	370.920.991	395.215.065
- Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	5.180.000	105.111.460
- Tổng Công ty Dầu Việt Nam	1.002.766.988	3.812.961.784
Các khoản phải trả khác	8.033.764.503	16.346.580.390
	<u>20.531.422.369</u>	<u>49.540.650.645</u>

18. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định <u>VND</u>	Dự phòng khác <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2015	48.715.064.966	-	48.715.064.966
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	75.980.886.254	1.103.785.204	77.084.671.458
Hoàn nhập dự phòng	(14.627.140.406)	-	(14.627.140.406)
Các khoản dự phòng đã sử dụng	<u>(33.390.785.767)</u>	-	<u>(33.390.785.767)</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>76.678.025.047</u>	<u>1.103.785.204</u>	<u>77.781.810.251</u>

Chi tiết

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ ngắn hạn	61.206.490.287	30.522.417.720
Nợ dài hạn	16.575.319.964	18.192.647.246
	<u>77.781.810.251</u>	<u>48.715.064.966</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là các bên liên quan				
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	346.336.704.000	346.336.704.000	577.227.840.000	577.227.840.000
	<u>346.336.704.000</u>	<u>346.336.704.000</u>	<u>577.227.840.000</u>	<u>577.227.840.000</u>

Phải trả người bán dài hạn thể hiện khoản tiền mua tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT từ Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam với tổng giá trị là 618.458.400.000 đồng. Theo Nghị quyết số 6658/NQ-DKVN ngày 26 tháng 7 năm 2011 của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, khoản công nợ này sẽ được hoàn trả trong vòng 15 năm tính từ khi tàu vận tải dầu thô trọng tải 104.000 DWT này đi vào khai thác (tháng 11 năm 2013).

Khoản nợ này được hoàn trả theo lịch sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
Trong vòng một năm	189.660.576.000	41.230.560.000		
Trong năm thứ hai	28.861.392.000	41.230.560.000		
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	86.584.176.000	123.691.680.000		
Sau năm năm	230.891.136.000	412.305.600.000		
	<u>535.997.280.000</u>	<u>618.458.400.000</u>		
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phải trả người bán ngắn hạn)	(189.660.576.000)	(41.230.560.000)		
Số phải trả sau 12 tháng	<u>346.336.704.000</u>	<u>577.227.840.000</u>		

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	30.000.000.000	-		
	<u>30.000.000.000</u>	<u>-</u>		

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	2.696.084.532.814	2.696.084.532.814	122.488.518.325	326.941.721.469	2.491.631.329.670	2.491.631.329.670

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Chi tiết số dư các khoản vay và khoản nhận bảo lãnh tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Citibank	1.292.949.426.921	1.440.379.687.996
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	622.731.713.710	597.062.883.743
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	541.475.407.789	560.146.973.575
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	34.474.781.250	98.494.987.500
	<u>2.491.631.329.670</u>	<u>2.696.084.532.814</u>

Tổng Công ty đã ký một số hợp đồng vay dài hạn với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính và hợp đồng bảo lãnh với Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam liên quan tới việc đóng tàu vận tải có tải trọng 105.000 DWT. Các hợp đồng vay và bảo lãnh này có tổng hạn mức tín dụng là 1.197 tỷ đồng, 42.000.000 Đô la Mỹ và 9.936.854.077 Yên Nhật (tương đương 109.477.009 Đô la Mỹ). Các khoản vay này chịu lãi suất lãi tiền vay từ 0,1% đến 7,35%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đang có số dư nợ vay là 1.164.207.121.499 đồng và 59.128.026 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.157.209.857.318 đồng và 71.977.297 Đô la Mỹ).

Các khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải của Tổng Công ty (Thuyết minh số 11), khoản vốn góp vào Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (Thuyết minh số 12).

Ngoài ra, Tổng Công ty cũng dùng tài sản là kho nổi của Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương để đảm bảo cho khoản vay của Tổng Công ty với nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 lần lượt là: 1.878.279.607.256 đồng và 1.866.666.588.179 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: là tài sản đang hình thành với giá trị ghi sổ là 1.530.090.932.848 đồng).

Các khoản vay dài hạn và nhận bảo lãnh được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	535.426.470.525	373.374.335.562
Trong năm thứ hai	308.163.044.621	332.870.960.738
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.133.457.133.455	1.022.662.367.300
Sau năm năm	514.584.681.069	967.176.869.214
	<u>2.491.631.329.670</u>	<u>2.696.084.532.814</u>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	<u>(535.426.470.525)</u>	<u>(373.374.335.562)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>1.956.204.859.145</u>	<u>2.322.710.197.252</u>

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 31/12/2014	
	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>
Được phép phát hành	255.857.542	2.558.575.420.000	255.857.542	2.558.575.420.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	255.857.542	2.558.575.420.000	255.857.542	2.558.575.420.000
Cổ phần			<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
+ Cổ phần phổ thông		255.857.542		255.857.542
Số lượng cổ phần đang lưu hành				
+ Cổ phần phổ thông		255.857.542		255.857.542

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển (trình bày lại) VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	2.326.000.000.000	184.862.478.738	6.435.442.171	199.349.877.063	2.716.647.797.972
Tăng vốn trong năm	232.575.420.000	(93.040.000.000)	-	(139.535.420.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	252.074.907.736	252.074.907.736
Phân phối quỹ	-	19.766.134.907	9.883.067.453	(29.649.202.360)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.266.134.907)	(20.266.134.907)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách	-	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Tại ngày 01/01/2015	2.558.575.420.000	111.588.613.645	16.318.509.624	261.866.027.532	2.948.348.570.801
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	318.422.834.376	318.422.834.376
Phân phối quỹ (*)	-	-	12.603.745.387	(12.603.745.387)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(25.207.490.774)	(25.207.490.774)
Quỹ khen thưởng Ban điều hành (*)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (*)	-	-	-	(108.000.000)	(108.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	2.558.575.420.000	111.588.613.645	28.922.255.011	541.869.625.747	3.240.955.914.403

(*) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung các quỹ bao gồm quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ), quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành và thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách của Tổng Công ty với số tiền lần lượt là 12.603.745.387 đồng, 25.207.490.774 đồng, 500.000.000 đồng và 108.000.000 đồng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-ĐHĐCĐ-NQ ngày 17 tháng 4 năm 2015.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/VTDK-ĐHĐCĐ-NQ ngày 17 tháng 4 năm 2015 đã thông qua việc tăng vốn điều lệ từ nguồn Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2014 và quỹ đầu tư phát triển với số tiền lần lượt là 204.686.033.600 đồng và 51.171.508.400 đồng. Tổng Công ty đang làm thủ tục để hoàn tất việc tăng vốn điều lệ.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tại ngày 31/12/2015		Tại ngày 31/12/2014	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	1.304.873.460.000	51,00	1.304.873.460.000	51,00
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	168.939.630.000	6,60	168.939.630.000	6,60
Market Vectors ETF Trust - Market Vectors-Vietnam ETF	150.886.150.000	5,90	129.365.050.000	5,06

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2015	31/12/2014
- Đô la Mỹ ("USD")	816.872	24.245
- Euro ("EUR")	386	397

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ****Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành bốn bộ phận hoạt động - Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải, Bộ phận kinh doanh dịch vụ cung cấp kho nổi, Bộ phận dịch vụ thương mại và Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo bốn bộ phận kinh doanh này. Hoạt động chủ yếu của bốn bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh dịch vụ vận tải - kinh doanh vận tải bằng tàu;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ kho nổi - kinh doanh cung cấp kho nổi và quản lý kho nổi cho mỏ dầu;
 Bộ phận dịch vụ thương mại - kinh doanh hàng hóa, trang thiết bị cho các công ty Dầu khí;
 Bộ phận kinh doanh dịch vụ khác.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán riêng

31/12/2015	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	3.077.683.727.326	192.074.779.051	849.991.277	16.037.135.960	3.286.645.633.614
Tài sản không phân bổ					3.786.486.080.838
Tổng tài sản					7.073.131.714.452
Nợ phải trả bộ phận	2.297.437.965.247	97.336.169.086	36.085.126.450	-	2.430.859.260.783
Nợ phải trả không phân bổ					1.401.316.539.266
Tổng nợ phải trả					3.832.175.800.049

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Năm 2015	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.268.963.199.636	493.806.942.034	151.859.503.897	440.081.307.987	2.354.710.953.554
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.268.963.199.636	493.806.942.034	151.859.503.897	440.081.307.987	2.354.710.953.554
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	222.690.286.529	75.388.259.969	1.299.216.772	16.335.792.841	315.713.556.111
Chi phí không phân bổ					(62.584.422.811)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					253.129.133.300
Doanh thu hoạt động tài chính					108.080.007.522
Lợi nhuận khác					93.768.268
Chi phí tài chính					(34.250.717.697)
Lợi nhuận trước thuế					395.553.626.787
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(77.508.651.147)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					377.858.736
Lợi nhuận trong năm					318.422.834.376
Thông tin khác					
Khấu hao					113.787.110.206

Bảng cân đối kế toán riêng

31/12/2014	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Tài sản bộ phận	2.919.000.535.831	164.683.004	139.834.000.651	207.408.101.392	3.266.407.320.878
Tài sản không phân bổ					3.598.686.564.738
Tổng tài sản					6.865.093.885.616
Nợ phải trả bộ phận	1.639.345.191.914	7.823.114.671	46.820.234.270	86.819.214.721	1.780.807.755.576
Nợ phải trả không phân bổ					2.135.937.559.239
Tổng nợ phải trả					3.916.745.314.815

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

Năm 2014	Dịch vụ vận tải VND	Cung cấp kho nổi VND	Dịch vụ thương mại VND	Dịch vụ khác VND	Tổng VND
Doanh thu					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.332.960.952.988	147.177.935.512	151.635.347.664	358.922.005.289	1.990.696.241.453
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu	1.332.960.952.988	147.177.935.512	151.635.347.664	358.922.005.289	1.990.696.241.453
Kết quả hoạt động kinh doanh					
Kết quả hoạt động kinh doanh	125.892.105.739	56.984.616.124	7.273.763.670	40.591.133.350	230.741.618.883
Chi phí không phân bổ					(54.624.375.799)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					176.117.243.084
Doanh thu hoạt động tài chính					103.828.889.060
Lợi nhuận khác					78.178.082.891
Chi phí tài chính					(44.014.963.801)
Lợi nhuận trước thuế					314.109.251.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp					(59.777.279.343)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(2.257.064.155)
Lợi nhuận trong năm					252.074.907.736
Thông tin khác					
Khấu hao					129.544.985.371

Bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp dịch vụ vận tải dầu thô, dầu sản phẩm và dịch vụ cho thuê kho nổi chứa dầu. Dịch vụ vận tải chủ yếu được thực hiện từ khu vực Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Hoạt động cung cấp dịch vụ cho thuê kho nổi chủ yếu được thực hiện ở Vũng Tàu. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng rủi ro và lợi ích kinh tế của các hoạt động này không có sự khác biệt đáng kể trong các khu vực nội địa. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận theo khu vực địa lý trong báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

25. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Dịch vụ vận tải	1.268.963.199.636	1.332.960.952.988
Dịch vụ FSO/FPSO	493.806.942.034	147.177.935.512
Dịch vụ thương mại	151.859.503.897	151.635.347.664
Dịch vụ khác	440.081.307.987	358.922.005.289
	2.354.710.953.554	1.990.696.241.453

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Dịch vụ vận tải	1.046.272.913.107	1.207.068.847.249
Dịch vụ FSO/FPSO	418.418.682.065	90.193.319.388
Dịch vụ thương mại	150.560.287.125	144.361.583.994
Dịch vụ khác	423.745.515.146	318.330.871.939
	2.038.997.397.443	1.759.954.622.570

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	257.154.015.198	408.583.045.366
Chi phí nhân công	247.119.546.212	244.471.530.213
Chi phí khấu hao tài sản cố định	113.787.110.206	129.544.985.371
Chi phí dịch vụ mua ngoài	922.432.456.575	380.490.763.938
Chi phí khác bằng tiền	561.088.692.063	651.488.673.481
	<u>2.101.581.820.254</u>	<u>1.814.578.998.369</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi	59.494.944.194	59.278.474.613
Lãi chênh lệch tỷ giá	566.422.735	5.615.334.447
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.048.852.000	38.935.080.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	969.788.593	-
	<u>108.080.007.522</u>	<u>103.828.889.060</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	4.905.552.942	18.430.419.508
Hoàn nhập chi phí lãi vay (1)	(9.091.615.066)	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	5.514.833.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.803.304.456	7.133.151.049
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính (2)	(30.295.564.271)	12.916.644.688
(Hoàn nhập)/Chi phí tài chính khác	(2.572.395.758)	19.915.556
	<u>(34.250.717.697)</u>	<u>44.014.963.801</u>

(1) Hoàn nhập chi phí lãi vay là thể hiện khoản điều chỉnh giảm chi phí lãi vay của khoản vay từ ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam do điều chỉnh giảm lãi suất vay cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

(2) Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư tài chính trong năm là khoản hoàn nhập khoản đầu tư vào các Công ty con do các Công ty này hoạt động có lãi trong năm.

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí quảng cáo	2.520.000.000	2.520.000.000
	<u>2.520.000.000</u>	<u>2.520.000.000</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí lương	27.000.000.000	27.042.060.038
Chi phí khác	33.064.422.811	37.461.705.186
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(12.399.389.425)
	<u>60.064.422.811</u>	<u>52.104.375.799</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận từ thanh lý tài sản cố định	-	77.429.204.317
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	-	2.687.766.592
Thu nhập khác	170.046.251	108.589.243
	<u>170.046.251</u>	<u>80.225.560.152</u>
Phạt vi phạm hợp đồng	-	1.936.585.050
Chi phí khác	76.277.983	110.892.211
	<u>76.277.983</u>	<u>2.047.477.261</u>

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

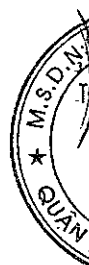
	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	77.508.651.147	52.930.399.056
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	6.846.880.287
	<u>77.508.651.147</u>	<u>59.777.279.343</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	395.553.626.787	314.109.251.234
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(54.328.356.063)	(74.200.634.219)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	11.086.779.943	684.105.969
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>352.312.050.667</u>	<u>240.592.722.984</u>
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>77.508.651.147</u>	<u>52.930.399.056</u>

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
(Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	2.257.064.155
- Thu nhập thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(377.858.736)	-
	<u>(377.858.736)</u>	<u>2.257.064.155</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế.



:500-

NHÁ
NG T
HIỆM HI
ĐỊT
T NAI
HO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	173.528.476.466	11.843.607.896

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	262.495.583.600	2.869.418.981
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	881.212.640.000	3.216.500.000
	<u>1.143.708.223.600</u>	<u>6.085.918.981</u>

Thuê hoạt động thể hiện các khoản thuê văn phòng của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 1 năm đến 3 năm, các hợp đồng thuê xe của Tổng Công ty được ký với thời hạn từ 2 năm đến 6 năm, hợp đồng thuê kho nổi được ký với thời hạn 5 năm.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.491.631.329.670	2.696.084.532.814
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.566.372.095.001	1.205.582.218.896
Nợ thuần	925.259.234.669	1.490.502.313.918
Vốn chủ sở hữu	3.240.955.914.403	2.948.348.570.801
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,29</u>	<u>0,51</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.566.372.095.001	1.205.582.218.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.478.887.888.031	2.530.762.401.820
Đầu tư tài chính	45.937.767.300	63.052.276.252
Tổng cộng	4.091.197.750.332	3.799.396.896.968
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	2.491.631.329.670	2.696.084.532.814
Phải trả người bán và phải trả khác	1.084.592.453.964	1.011.987.754.318
Chi phí phải trả	15.611.631.826	39.960.074.606
Tổng cộng	3.591.835.415.460	3.748.032.361.738

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.345.616.583.373	1.461.500.901.268	1.375.065.799.974	1.594.201.240.003
Euro (EUR)	9.452.141	8.464.620	7.288.949	-
Bảng Anh (GBP)	-	-	643.189.573	-
Đô la Singapore (SGD)	-	-	572.937.957	-
Yên Nhật (JPY)	-	-	756.263.097	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá Đô la Mỹ.

Tổng Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (2014: 3%) so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 5% (2014: 3%) được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% (2014: 3%) thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% (2014: 3%) thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 1.472.460.830 đồng (năm 2014: giảm/tăng 3.981.010.162 đồng). Phân tích biến động rủi ro tỷ giá tương tự cho đồng Euro thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng là các bên liên quan của Tổng Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

7
C
P
AN
U
H
1250
HI NH
CÔNG
NHẬN
LỢI
IẾT N
TP.H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.566.372.095.001	-	-	1.566.372.095.001
Phải thu khách hàng và phải thu khác	828.118.172.994	1.345.306.570.769	305.463.144.268	2.478.887.888.031
Đầu tư tài chính	-	-	45.937.767.300	45.937.767.300
Tổng cộng	2.394.490.267.995	1.345.306.570.769	351.400.911.568	4.091.197.750.332
31/12/2015				
Các khoản vay	535.426.470.525	1.441.620.178.076	514.584.681.069	2.491.631.329.670
Phải trả người bán và phải trả khác	708.255.749.964	115.445.568.000	260.891.136.000	1.084.592.453.964
Chi phí phải trả	10.943.202.365	4.668.429.461	-	15.611.631.826
Tổng cộng	1.254.625.422.854	1.561.734.175.537	775.475.817.069	3.591.835.415.460
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.139.864.845.141	(216.427.604.768)	(424.074.905.501)	499.362.334.872
	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.205.582.218.896	-	-	1.205.582.218.896
Phải thu khách hàng và phải thu khác	738.921.332.529	1.072.996.094.490	718.844.974.801	2.530.762.401.820
Đầu tư tài chính	-	-	63.052.276.252	63.052.276.252
Tổng cộng	1.944.503.551.425	1.072.996.094.490	781.897.251.053	3.799.396.896.968
31/12/2014				
Các khoản vay	373.374.335.562	1.355.533.328.038	967.176.869.214	2.696.084.532.814
Phải trả người bán và phải trả khác	434.759.914.318	-	577.227.840.000	1.011.987.754.318
Chi phí phải trả	35.514.149.361	4.445.925.245	-	39.960.074.606
Tổng cộng	843.648.399.241	1.359.979.253.283	1.544.404.709.214	3.748.032.361.738
Chênh lệch thanh khoản thuần	1.100.855.152.184	(286.983.158.793)	(762.507.458.161)	51.364.535.230

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp.

Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	Công ty con
Công ty TNHH PVTrans Emas	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty liên kết
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

002
NH
TY
HUUH
TE
M
CHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍ

Tầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1

Báo cáo tài chính riêng

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Bên liên quan****Mối quan hệ**

Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Đại Hùng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (trước đây là Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam)	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước	Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Xăng dầu Dầu khí Miền Đông	Công ty thuộc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan dầu khí PVDP	Công ty thuộc Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Tổng Công ty Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Công ty liên kết của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	Công ty liên doanh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015	2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	160.741.624.592	42.129.447.930
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	63.876.978.386	28.864.427.438
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	6.950.740.684	8.816.827.887
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	30.965.458	2.039.067.723
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu Khí Vũng Tàu	2.304.000.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	223.814.921.420	303.799.117.639
Công ty TNHH MTV Lọc Hóa Dầu Bình Sơn	1.118.822.519.462	1.061.084.452.852
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	302.954.588.015	147.851.188.176
Công ty TNHH PVTRans - Emas	88.365.954.355	341.446.889.574
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam	1.919.862.649	18.970.817.429
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	87.392.347.829	983.310.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2015	2014
	VND	VND
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương	903.290.616.584	663.193.701.241
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Phương Nam	223.557.007.334	290.532.280.886
Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Quảng Ngãi	7.209.182.061	2.250.414.306
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	3.495.152.441	20.201.848.924
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	3.306.573.568	3.062.484.760
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.892.000.000	2.721.500.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	1.503.376.532	1.043.138.186
Công ty Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	51.413.565.038	10.076.605.527
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	17.612.889.466	8.569.817.671
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam	6.437.661.412	1.466.917.742
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	<u>1.002.766.988</u>	<u>4.034.582.467</u>
Chi phí hoạt động tài chính		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	15.509.928.043	11.198.300.410
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	<u>-</u>	<u>12.595.176.449</u>
Cổ tức ghi nhận		
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế	24.385.080.000	24.385.080.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	5.203.772.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	<u>17.460.000.000</u>	<u>14.550.000.000</u>
Góp vốn trong kỳ		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Phương Nam	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu Phương Đông Việt	<u>-</u>	<u>30.000.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	2015	2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phúc lợi khác	<u>7.231.248.702</u>	<u>5.546.596.419</u>

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Tiền chi trả lãi tiền vay trong năm không bao gồm số tiền 300.361.469 đồng (năm 2014 đến ngày 31 tháng 12 năm 2014: 858.137.613 đồng), là khoản lãi vay phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền 5.971.437.778 đồng (năm 2014: 5.876.001.522 đồng), là số lãi tiền gửi phát sinh và cổ tức ghi nhận trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong năm bao gồm số tiền 107.661.120.000 đồng (năm 2014: 75.324.201.602 đồng), là số tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI DẦU KHÍTầng 2, Tòa nhà PVFCCo, 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay, cụ thể như sau như sau::

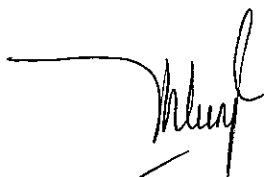
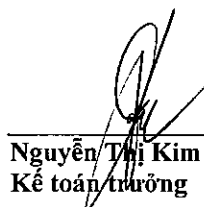
Theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC Theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Đơn vị: VND
Thay đổi

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014	Tên chi tiêu	Mã số	31/12/2014
I. TÀI SẢN			I. TÀI SẢN		
1. Phải thu của khách hàng	131	390.550.916.077	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	384.150.070.046
2. Phải thu ngắn hạn khác	135	365.737.960.770	2. Phải thu ngắn hạn khác	136	373.215.563.932
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.076.757.131	3. Tài sản ngắn hạn khác	155	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	1.788.354.940.578	4. Phải thu dài hạn khác	216	1.791.841.069.291
5. Tài sản dài hạn khác	268	3.486.128.713	5. Tài sản dài hạn khác	268	-
II. NGUỒN VỐN			II. NGUỒN VỐN		
1. Chi phí phải trả	316	88.675.139.572	1. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	35.514.149.361
2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	2. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	30.522.417.720
<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>			3. Chi phí phải trả dài hạn	333	4.445.925.245
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18.192.647.246
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	70.084.632.101	5. Quỹ đầu tư phát triển	418	111.588.613.645
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	41.503.981.544	<i>Không có chi tiêu tương ứng</i>		-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Tên chi tiêu	Mã số	2014	Tên chi tiêu	Mã số	2014
1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	201.756.388.105	1. Doanh thu hoạt động tài chính	21	103.828.889.060
2. Chi phí tài chính	22	141.942.462.846	2. Chi phí tài chính	22	44.014.963.801
3. Thu nhập khác	31	163.688.355.835	3. Thu nhập khác	31	80.225.560.152
4. Chi phí khác	32	85.510.272.944	4. Chi phí khác	32	2.047.477.261


Võ Thị Thanh Tùng
Người lập biểu

Nguyễn Thị Kim Anh
Kế toán trưởngPhạm Việt Anh
Tổng Giám đốc
Ngày 17 tháng 3 năm 2016